



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Đầu tư số

56221000014

ngày 18 tháng 4 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 2013748074 ngày 21 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Kiên Giang cấp và có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số

1701947619
1701947619

ngày 17 tháng 2 năm 2014
ngày 19 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1701947619 ngày 19 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hồng Xanh
Ông Phan Đăng Tuất
Ông Nguyễn Trí Dũng
Ông Koo Liang Kwee

Ông Teo Hong Keng

Ông Lê Văn Thập

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 2 tháng 6 năm 2022)
Thành viên
(đến ngày 2 tháng 6 năm 2022)
Thành viên
(đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Ông Nguyễn Văn Minh
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều

Trưởng ban
(từ ngày 2 tháng 6 năm 2022)
Thành viên
(từ ngày 1 tháng 6 năm 2022
đến ngày 2 tháng 6 năm 2022)
Trưởng ban
(đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 4 tháng 4 năm 2023)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Tùng

Quyền Giám đốc
(từ ngày 6 tháng 4 năm 2022)

Phó Giám đốc
(đến ngày 5 tháng 4 năm 2022)

Ông Lê Văn Thập

Giám đốc
(đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)

Ông Trần Tuấn Anh

Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Đường D1, D2 - Khu Công nghiệp Thạnh Lộc
Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành
Tỉnh Kiên Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã thuyết minh đầy đủ về giá trị của giả định hoạt động liên tục và yếu tố không chắc chắn trọng yếu.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Xuân Tùng
Quyền Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 28 tháng 4 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Chúng tôi đã ký thỏa thuận kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 4 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.





Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Phải thu ngắn hạn của khách hàng và chi phí trả trước dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu ngắn hạn của một khách hàng có giá gốc là 132.731 triệu VND và một khoản chi phí trả trước dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 57.570 triệu VND được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán hợp nhất. Do thông tin không thống nhất từ các nguồn khác nhau liên quan đến khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và chi phí trả trước dài hạn nêu trên, chúng tôi không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán khả thi nào để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng thu hồi của khoản phải thu và về giá trị ghi sổ của khoản chi phí trả trước dài hạn này. Do đó, chúng tôi đã không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với khoản phải thu của khách hàng và chi phí trả trước dài hạn được báo cáo, cũng như ảnh hưởng tương ứng có thể phát sinh đối với lỗi lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và các khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp và lỗ sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập trên cơ sở hoạt động liên tục như được trình bày trong Thuyết minh 2(c), trong đó có mô tả là Nhóm Công ty đã phát sinh lỗ sau thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 138.524 triệu VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 638.538 triệu VND; nợ thuế quá hạn thanh toán là 353.211 triệu VND và vốn chủ sở hữu âm 92.431 triệu VND. Nhóm Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19).

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính khả thi của những dự định của Ban Giám đốc Công ty về các hành động trong tương lai có liên quan đến đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể và không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00814-23-2

CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH
KPMG

Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2023

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		245.773.257.480	337.510.185.134
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.304.764.572	20.301.601.457
Tiền	111		29.304.764.572	20.301.601.457
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.655.675.970	235.917.325.380
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	160.330.655.463	222.557.843.122
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	7.029.193.024	7.682.242.402
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.388.349.835	5.677.239.856
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(68.092.522.352)	-
Hàng tồn kho	140	9	109.447.993.546	77.928.343.069
Hàng tồn kho	141		118.925.921.065	77.928.343.069
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.477.927.519)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.364.823.392	3.362.915.228
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.763.866.837	1.743.349.461
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.012.936	192.163.231
Thuế phải thu Nhà nước	153	16(b)	1.579.943.619	1.427.402.536

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		790.860.857.881	808.889.889.001
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.800.000.000	1.800.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.800.000.000	1.800.000.000
Tài sản cố định	220		606.278.452.537	677.375.590.952
Tài sản cố định hữu hình	221	10	604.924.955.469	675.955.199.344
Nguyên giá	222		1.023.639.991.641	1.036.169.503.059
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(418.715.036.172)	(360.214.303.715)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.353.497.068	1.420.391.608
Nguyên giá	228		1.696.095.495	1.696.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(342.598.427)	(275.703.887)
Bất động sản đầu tư	230	12	93.836.945.054	96.744.006.440
Nguyên giá	231		112.948.785.557	112.948.785.557
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.111.840.503)	(16.204.779.117)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.259.077.350	5.175.948.794
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.259.077.350	5.175.948.794
Tài sản dài hạn khác	260		83.686.382.940	27.794.342.815
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	82.729.449.173	26.342.128.368
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		886.399.807	886.399.807
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		70.533.960	565.814.640
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.036.634.115.361	1.146.400.074.135

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.129.065.243.458	1.100.145.230.488
Nợ ngắn hạn	310		884.311.329.923	723.934.242.510
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	94.603.647.738	27.005.904.991
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.738.663.112	13.451.846.773
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(a)	418.677.996.293	262.621.271.132
Phải trả người lao động	314		5.484.906.861	6.174.903.056
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.114.855.699	3.878.849.591
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.746.515.552	2.496.515.468
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	10.204.739.220	12.794.850.704
Vay ngắn hạn	320	19(a)	323.287.556.767	395.291.168.045
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.799.829.231	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		652.619.450	218.932.750
Nợ dài hạn	330		244.753.913.535	376.210.987.978
Phải trả dài hạn khác	337		5.552.580.854	5.744.580.854
Vay dài hạn	338	19(b)	238.179.778.560	369.307.115.368
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.021.554.121	1.159.291.756
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(92.431.128.097)	46.254.843.647
Vốn chủ sở hữu	410	20	(92.431.128.097)	46.254.843.647
Vốn cổ phần	411	21	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	14.690.799.990	14.690.799.990
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		453.665.312	615.665.312
Lỗi lũy kế	421		(222.599.074.087)	(84.075.414.487)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(84.075.414.487)	(18.396.350.883)
- Lỗi năm nay	421b		(138.523.659.600)	(65.679.063.604)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		23.480.688	23.792.832
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.036.634.115.361	1.146.400.074.135

Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng
Quyền Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	692.449.616.735	614.889.500.870
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	666.935.652.837	597.546.156.676
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		25.513.963.898	17.343.344.194
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	24.795.779	15.840.911.612
Chi phí tài chính	22	27	59.279.269.750	68.021.766.644
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		59.279.269.750	68.021.528.540
Chi phí bán hàng	25	28	3.145.845.667	4.774.603.230
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	94.813.631.970	25.512.401.486
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(131.699.987.710)	(65.124.515.554)
Thu nhập khác	31		2.597.669.339	292.589.192
Chi phí khác	32	30	11.169.217.905	254.920.523
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(8.571.548.566)	37.668.669
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(140.271.536.276)	(65.086.846.885)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	(1.609.826.897)	726.032.389
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(137.737.635)	(137.737.635)
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		(138.523.971.744)	(65.675.141.639)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

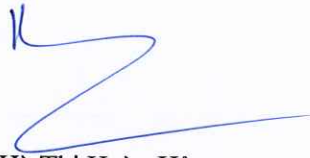
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		(138.523.971.744)	(65.675.141.639)
Trong đó:				
Lỗ sau thuế của Công ty (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		(138.523.659.600)	(65.679.063.604)
	62		(312.144)	3.921.965

Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng
Quyền Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗi kế toán trước thuế	01		(140.271.536.276)	(65.086.846.885)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		68.122.071.349	69.020.059.881
Các khoản dự phòng	03		87.370.279.102	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	238.104
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.249.974.802)	(15.840.911.612)
Chi phí lãi vay	06		59.279.269.750	68.021.528.540
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		73.250.109.123	56.114.068.028
Biến động các khoản phải thu	09		68.867.753.537	(67.349.382.508)
Biến động hàng tồn kho	10		(40.502.297.316)	70.507.499.881
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		220.518.648.454	(33.629.644.286)
Biến động chi phí trả trước	12		(56.407.838.181)	8.248.338.758
			265.726.375.617	33.890.879.873
Tiền lãi vay đã trả	14		(60.016.503.969)	(68.513.978.135)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(129.435.291)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(220.165.100)	(239.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		205.489.706.548	(34.992.333.553)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(4.321.347.935)	(7.595.389.999)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		10.937.710.436	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		28.042.152	13.785.509.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.644.404.653	6.190.119.312

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		454.476.611.433	622.680.485.164
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(657.607.559.519)	(588.634.797.273)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(1.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(203.130.948.086)	34.044.587.891
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		9.003.163.115	5.242.373.650
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		20.301.601.457	15.059.227.807
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	29.304.764.572	20.301.601.457

Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Người lập:

Hà Thị Hoàn Hảo
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng
 Quyền Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chưng, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bán buôn đồ uống; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có 1 công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	Đường 2, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Quản lý và cho thuê văn phòng và kho bãi; và cung cấp dịch vụ vận tải	99,83%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty có 134 nhân viên (1/1/2022: 138 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Nhóm Công ty đã phát sinh lỗ sau thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 138.524 triệu VND (2021: 65.675 triệu VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 638.538 triệu VND (1/1/2022: 386.424 triệu VND), nợ thuế quá hạn thanh toán là 353.211 triệu VND (1/1/2022: 189.523 triệu VND) và vốn chủ sở hữu âm 92.431 triệu VND (1/1/2022: 46.255 triệu VND). Nhóm Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19).

Ban Giám đốc Công ty dự định thực hiện các kế hoạch nhằm xử lý tình hình này như sau:

1. Tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng để cung cấp hỗ trợ tài chính.
2. Đưa ra các giải pháp để tăng doanh thu từ bia địa phương thông qua việc tăng chi tiêu cho các chương trình quảng cáo và khuyến mãi.
3. Đàm phán với cơ quan Thuế để được hỗ trợ về việc chậm nộp thuế, đặc biệt là thuế tiêu thụ đặc biệt.
4. Hiện tại, Công ty đang có hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang (“VP Bank – Chi nhánh Kiên Giang”) với hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND dưới hình thức tín dụng ngắn hạn và còn hạn mức tín dụng chưa sử dụng là 4.975 triệu VND. Ngoài ra, Công ty đang trong quá trình gia hạn khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng VP Bank – Chi nhánh Kiên Giang với tổng hạn mức tín dụng là 300 tỷ VND. Thêm vào đó, Công ty cũng đang trong quá trình đàm phán với Ngân hàng VP Bank – Chi nhánh Kiên Giang để gia hạn thời gian trả nợ cho các khoản vay đến hạn thanh toán.
5. Đàm phán với Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, một bên liên quan để kéo dài thời hạn thanh toán cho khoản phải trả mua nguyên vật liệu.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty tương đối tin rằng Nhóm Công ty sẽ nhận được sự hỗ trợ từ Ngân hàng VP Bank – Chi nhánh Kiên Giang, cơ quan Thuế và Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, một bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tuy nhiên, những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất này không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến khả năng thu hồi và phân loại tài sản, hoặc giá trị và phân loại nợ phải trả có thể cần thiết trong trường hợp Nhóm Công ty không thể tiếp tục tồn tại.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ thiết bị quản lý	5 – 15 năm
▪ tài sản khác	6 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Đối với bất động sản đầu tư mua về trong giao dịch hợp nhất kinh doanh, nguyên giá là giá trị đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 38 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Nhóm Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.320.770.386	498.490.879
Tiền gửi ngân hàng	27.983.994.186	19.803.110.578
	29.304.764.572	20.301.601.457
	29.304.764.572	20.301.601.457

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà máy KGB Việt Nam	132.730.511.458	214.330.893.178
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.170.889.800	2.629.426.377
Các khách hàng khác	12.429.254.205	5.597.523.567
	160.330.655.463	222.557.843.122
	160.330.655.463	222.557.843.122

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.170.889.800	2.629.426.377
	15.170.889.800	2.629.426.377
	15.170.889.800	2.629.426.377

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hoi Bão Hòa	2.928.394.996	2.909.438.968
Công ty TNHH Nhà máy KGB Việt Nam	2.239.990.823	2.402.990.823
Các nhà cung cấp khác	1.860.807.205	2.369.812.611
	<hr/>	<hr/>
	7.029.193.024	7.682.242.402
	<hr/>	<hr/>

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi trả chậm phải thu từ khách hàng	3.047.433.245	3.050.679.618
Ký quỹ ngắn hạn	218.260.000	633.818.052
Tạm ứng cho nhân viên	180.000.000	496.107.500
Phải thu ngắn hạn khác	942.656.590	1.496.634.686
	<hr/>	<hr/>
	4.388.349.835	5.677.239.856
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	132.934.061.458	(66.568.805.729)	66.365.255.729
Phải thu ngắn hạn khác	3.047.433.245	(1.523.716.623)	1.523.716.622
	<u>135.981.494.703</u>	<u>(68.092.522.352)</u>	<u>67.888.972.351</u>
	1/1/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	214.287.409.668	-	214.287.409.668
Phải thu ngắn hạn khác	3.050.679.618	-	3.050.679.618
	<u>217.338.089.286</u>	<u>-</u>	<u>217.338.089.286</u>

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	68.092.522.352	-
	<u>68.092.522.352</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	45.005.984.342	(7.478.100.478)	37.872.887.777	-
Công cụ và dụng cụ	34.976.622.944	(1.999.827.041)	7.762.174.055	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	19.722.431.549	-	19.718.376.373	-
Thành phẩm	19.220.882.230	-	12.574.904.864	-
	118.925.921.065	(9.477.927.519)	77.928.343.069	-

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	9.477.927.519	-
Số dư cuối năm	9.477.927.519	-

Trong hàng tồn kho của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 9.478 triệu VND (1/1/2022: Không) hàng tồn kho chậm luân chuyển.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	248.289.971.516	685.335.029.330	56.061.945.943	45.402.743.088	1.079.813.182	1.036.169.503.059
Tăng trong năm	-	3.830.402.961	-	-	-	3.830.402.961
Thanh lý	(1.305.289.553)	-	(15.054.624.826)	-	-	(16.359.914.379)
Số dư cuối năm	246.984.681.963	689.165.432.291	41.007.321.117	45.402.743.088	1.079.813.182	1.023.639.991.641
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	52.688.873.660	257.579.272.960	24.728.611.073	24.587.148.508	630.397.514	360.214.303.715
Khấu hao trong năm	9.443.272.319	47.070.075.191	4.783.325.276	3.745.395.925	106.046.712	65.148.115.423
Thanh lý	(1.305.289.553)	-	(5.342.093.413)	-	-	(6.647.382.966)
Số dư cuối năm	60.826.856.426	304.649.348.151	24.169.842.936	28.332.544.433	736.444.226	418.715.036.172
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	195.601.097.856	427.755.756.370	31.333.334.870	20.815.594.580	449.415.668	675.955.199.344
Số dư cuối năm	186.157.825.537	384.516.084.140	16.837.478.181	17.070.198.655	343.368.956	604.924.955.469

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 49.564 triệu VND (1/1/2021: 13.464 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 980.760 triệu VND (1/1/2022: 992.282 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.038.400.000	657.695.495	1.696.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	275.703.887	275.703.887
Khấu hao trong năm	-	66.894.540	66.894.540
Số dư cuối năm	-	342.598.427	342.598.427
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	381.991.608	1.420.391.608
Số dư cuối năm	1.038.400.000	315.097.068	1.353.497.068

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 1.038 triệu VND (1/1/2022: 1.038 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	29.276.750.054	32.183.811.440
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	64.560.195.000	64.560.195.000
	93.836.945.054	96.744.006.440

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bất động sản đầu tư có nguyên giá là 77.964 triệu VND (1/1/2022: 112.949 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	48.388.590.557
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	16.204.779.117
Khấu hao trong năm	2.907.061.386
Số dư cuối năm	19.111.840.503
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	32.183.811.440
Số dư cuối năm	29.276.750.054



(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 phản ánh quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty tại Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.175.948.794	7.704.057.006
Tăng trong năm	83.128.556	1.071.960.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(3.600.068.212)
	5.259.077.350	5.175.948.794

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Hệ thống Pilot, hệ thống chiết bia thủ công	4.806.446.383	4.671.214.383
Máy cấp nắp tự động	-	42.504.000
Các công trình khác	452.630.967	462.230.411
	5.259.077.350	5.175.948.794

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Bao bì	Công cụ và	Chi phí	Tổng
	trả trước	luân chuyển	dụng cụ	khác	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	20.622.375.501	81.201.790	3.812.262.607	1.826.288.470	26.342.128.368
Tăng trong năm	-	70.549.010.249	4.714.434.293	326.595.388	75.590.039.930
Phân bổ trong năm	(444.376.344)	(13.060.625.977)	(3.779.882.095)	(1.917.834.709)	(19.202.719.125)
	20.177.999.157	57.569.586.062	4.746.814.805	235.049.149	82.729.449.173

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	81.621.820.149	1.985.236.782
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	3.364.821.985	11.332.523.606
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	2.425.882.686	2.198.457.627
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	42.936.220	42.936.220
Công ty TNHH Bao Bì Giấy Việt Trung Long An	-	2.770.489.260
Các nhà cung cấp khác	7.148.186.698	8.676.261.496
	94.603.647.738	27.005.904.991

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	81.621.820.149	1.985.236.782
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC - Ball Việt Nam	839.934.592	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	42.936.220	42.936.220
	86.400.750.961	2.028.173.002

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu hoặc trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã căn trừ trong năm VND	Số đã bù trừ và được hoàn VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.445.959.101	130.282.935.151	(51.116.802.409)	(61.704.089.170)	(592.827.662)	-	25.315.175.011
Thuế tiêu thụ đặc biệt	253.243.227.306	618.562.945.573	(478.450.551.597)	-	-	-	393.355.621.282
Thuế thu nhập doanh nghiệp	726.032.389	(1.609.826.897)	-	-	883.794.508	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	206.052.336	551.893.094	(1.360.598.526)	-	(185.653.451)	795.506.547	7.200.000
Các loại thuế khác	-	9.090.458	(5.000.000)	(4.090.458)	-	-	-
	262.621.271.132	747.797.037.379	(530.932.952.532)	(61.708.179.628)	105.313.395	795.506.547	418.677.996.293

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số đã căn trừ trong năm VND	Phân loại từ thuế phải nộp VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	253.098.289	(163.505.032)	-	89.593.257
Thuế thu nhập cá nhân	694.843.815	-	795.506.547	1.490.350.362
Các loại thuế khác	479.460.432	(479.460.432)	-	-
	1.427.402.536	(642.965.464)	795.506.547	1.579.943.619

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	2.726.971.119	3.464.205.338
Chi phí phải trả khác	2.387.884.580	414.644.253
	5.114.855.699	3.878.849.591

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí mua hàng chưa có hóa đơn	-	2.883.007.396
Cổ tức phải trả	5.750.000.000	5.750.000.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.384.660.720	3.196.306.412
Phải trả ngắn hạn khác	70.078.500	965.536.896
	10.204.739.220	12.794.850.704

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong năm		31/12/2022
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	222.288.624.728	454.476.611.433	(481.740.264.638)	195.024.971.523
Vay dài hạn đến hạn trả	173.002.543.317	128.262.585.244	(173.002.543.317)	128.262.585.244
	395.291.168.045	582.739.196.677	(654.742.807.955)	323.287.556.767

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang				
- Khoản vay 1 (i)	VND	7,8% - 12%	195.024.971.523	151.811.934.282
- Khoản vay 2	VND	7,5% - 9%	-	1.474.786.521
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	VND	7,1%	-	49.025.801.155
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Kiên Giang	VND	7,8%	-	19.976.102.770
			195.024.971.523	222.288.624.728

- (i) Khoản vay ngắn hạn này từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank”) – Chi nhánh Kiên Giang có hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND và được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 19(b).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Vay dài hạn	366.442.363.804	542.309.658.685
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(128.262.585.244)	(173.002.543.317)
	238.179.778.560	369.307.115.368

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022	1/1/2022
				VND	VND
VPBank – Chi nhánh Kiên Giang					
- Khoản vay 3 (i)	VND	9,3% - 10,1%	2023 - 2026	365.984.270.900	536.531.470.900
- Khoản vay 4 (ii)	VND	9,6%	2026	-	3.108.650.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (iii)	VND	10% - 13,1%	2023 - 2024	458.092.904	2.669.537.785
				366.442.363.804	542.309.658.685

- (i) Khoản vay 1 và khoản vay 3 từ VPBank – Chi nhánh Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 977.614 triệu VND, 1.038 triệu VND và 77.964 triệu VND (1/1/2022: 977.614 triệu VND, 1.038 triệu VND và 77.964 triệu VND) (Thuyết minh 10, Thuyết minh 11 và Thuyết minh 12).
- (ii) Khoản vay 4 từ VPBank – Chi nhánh Kiên Giang đã được hoàn trả trong năm. Khoản vay này được đảm bảo tài sản cố định hữu hình có nguyên giá tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 7.413 triệu VND (Thuyết minh 10).
- (iii) Nhóm Công ty có nhiều hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt, trong đó hạn mức tín dụng của hợp đồng vay dùng để tài trợ mua tài sản của Nhóm Công ty là 2.726 triệu VND. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 3.146 triệu VND và Không (1/1/2022: 7.255 triệu VND và 34.985 triệu VND) (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	115.000.000.000	14.690.799.990	594.076.515	(17.981.200.488)	20.527.898	112.324.203.915
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(65.679.063.604)	3.921.965	(65.675.141.639)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(177.921.598)	(297.031)	(178.218.629)
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	237.228.797	(237.228.797)	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(215.640.000)	-	(360.000)	(216.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	115.000.000.000	14.690.799.990	615.665.312	(84.075.414.487)	23.792.832	46.254.843.647
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(138.523.659.600)	(312.144)	(138.523.971.744)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(162.000.000)	-	-	(162.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	115.000.000.000	14.690.799.990	453.665.312	(222.599.074.087)	23.480.688	(92.431.128.097)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



21. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo bao gồm:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.300.000	20%
Các cổ đông khác	9.200.000	80%
	11.500.000	100%



22. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê phải trả

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	918.542.466	3.604.500.000
Từ hai đến năm năm	-	8.015.837.671
Sau năm năm	-	1.043.835.617
	918.542.466	12.664.173.288
	918.542.466	12.664.173.288

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	223.157	5.256.465.491	19.836	527.538.821
EUR	427	10.588.251	456	5.945.727
		5.267.053.742		533.484.548
		5.267.053.742		533.484.548

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	655.725.356.211	524.801.766.602
▪ Doanh thu cho thuê	7.504.734.276	7.127.044.813
▪ Doanh thu gia công bia	6.703.425.696	2.088.675.000
▪ Bán thùng và vỏ lon	6.430.064.477	-
▪ Cung cấp dịch vụ vận tải	3.576.091.220	13.247.129.197
▪ Bán kết và vỏ chai	99.246.875	60.349.749.366
▪ Doanh thu khác	12.410.697.980	7.275.135.892
	692.449.616.735	614.889.500.870

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	613.765.204.712	489.395.922.138
▪ Chi phí khấu hao và phân bổ ghi nhận vào giá vốn do hoạt động dưới công suất thiết kế	15.791.493.760	14.933.508.572
▪ Chi phí vỏ chai kết phân bổ	11.035.660.336	-
▪ Dự phòng hàng tồn kho	9.477.927.519	-
▪ Dịch vụ vận tải đã cung cấp	5.232.299.179	9.869.825.659
▪ Chi phí gia công bia	3.404.836.495	1.008.269.672
▪ Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê	2.907.061.386	2.819.109.757
▪ Kết và vỏ chai đã bán	-	60.321.592.567
▪ Giá vốn khác	5.321.169.450	19.197.928.311
	666.935.652.837	597.546.156.676

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	24.795.779	164.941.803
Lãi trả chậm từ khách hàng	-	15.675.969.809
	<hr/> 24.795.779	<hr/> 15.840.911.612

27. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	59.279.269.750	68.021.528.540
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	238.104
	<hr/> 59.279.269.750	<hr/> 68.021.766.644

28. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	114.426.667	134.705.059
Chi phí khấu hao và phân bổ	458.715.362	636.502.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.930.809.174	2.134.365.281
Chi phí bán hàng khác	641.894.464	1.869.030.858
	<hr/> 3.145.845.667	<hr/> 4.774.603.230

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	7.469.898.937	8.392.792.214
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	68.092.522.352	-
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.556.848.870	4.798.687.875
Thuế, phí và lệ phí	154.169.639	206.798.689
Chi phí công cụ, dụng cụ	634.519.953	524.341.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.413.878.514	1.238.596.047
Chi phí quản lý khác	12.491.793.705	10.351.185.298
	94.813.631.970	25.512.401.486

30. Chi phí khác

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi phạt chậm nộp thuế	9.799.829.231	-
Chi phí khác	1.369.388.674	254.920.523
	11.169.217.905	254.920.523

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	546.624.331.699	472.719.236.163
Chi phí khấu hao và phân bổ	68.122.071.349	69.020.059.881
Chi phí nhân công và nhân viên	19.876.735.869	26.603.738.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.829.114.578	26.689.854.397
Chi phí khác	106.442.876.979	32.800.272.324

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	-	726.032.389
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.609.826.897)	-
	<u>(1.609.826.897)</u>	<u>726.032.389</u>
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(137.737.635)	(137.737.635)
	<u>(1.747.564.532)</u>	<u>588.294.754</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lỗi kế toán trước thuế	(140.271.536.276)	(65.086.846.885)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(14.027.153.628)	(6.508.684.689)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.600.754.754	2.255.968.521
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế và đối với công ty con	(741.697.483)	(2.697.198.010)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	13.030.358.722	7.538.208.932
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.609.826.897)	-
	<u>(1.747.564.532)</u>	<u>588.294.754</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	128.583.288.953	15.410.927.886	69.893.749.195	9.055.579.238
Lỗi tính thuế	88.191.086.114	10.547.892.362	29.892.098.136	3.872.882.288
	<u>216.774.375.067</u>	<u>25.958.820.248</u>	<u>99.785.847.331</u>	<u>12.928.461.526</u>

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2025	Chưa quyết toán	13.657.035.711
2026	Chưa quyết toán	16.235.062.425
2027	Chưa quyết toán	58.298.987.978
		<u>88.191.086.114</u>

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ tiếp theo VND
2025	32.837.757.741
2026	37.055.991.454
2027	58.689.539.758
	<u>128.583.288.953</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Đối với thu nhập tính thuế phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng do nâng công suất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm được tính theo thuế suất thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

(ii) Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang (“Công ty con”)

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động (2015 – 2029). Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2015 – 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019 – 2027).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng đối với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.135.118.699.456	776.422.286.590
Bán dịch vụ	-	222.717.339
Mua nguyên vật liệu	427.522.782.574	254.847.944.735
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Cho thuê kho	4.191.637.056	4.191.637.140
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	-	1.910.674.080
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC - Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	3.819.297.193	1.782.318.609
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lê Hồng Xanh – Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Phan Đăng Tuất – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Trí Dũng – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Koo Liang Kwee – Thành viên	70.000.000	-
Ông Teo Hong Keng – Thành viên	50.000.000	120.000.000
Ông Lê Văn Thập – Thành viên	47.885.000	180.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.347.922.393	2.493.361.170
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Trưởng ban	63.846.153	252.020.000
Ông Nguyễn Văn Minh – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thành viên	120.000.000	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Người lập:

Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng
Quyền Giám đốc

